TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 04/03/2025
"*V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phạm Tuân
Các Hội thẩm nhân dân:
- Ông Trang Văn Hai
- Ông Nguyễn Thái Hòa

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Hoàng Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thuý Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1917/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2024, về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2025/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 50/2025/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Tô Thị Tuyết N, sinh năm 1988; Địa chỉ: Tổ 15, khu phố TM, phường PT, thành phố BH, tỉnh ĐN. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Tạ Đức C, sinh năm 1987;
Địa chỉ: Tổ 15, khu phố TM, phường PT, thành phố BH, tỉnh ĐN;
Chỗ ở hiện nay: Tổ 9, khu phố HP, phường PT, thành phố BH, tỉnh ĐN. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, các lời khai, tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ nguyên đơn bà Tô Thị Tuyết Nhung trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi (Tô Thị Tuyết N) và ông Tạ Đức C tự nguyện tiến tới hôn nhân năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã PT (nay là phường PT), huyện LT (nay là thành phố BH), tỉnh ĐN và được UBND xã PT cấp giấy chứng nhận kết hôn số 231, quyển số 01/08 ngày 04/9/2008.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 02 con chung. Tuy nhiên, từ tháng 02/2024 vợ chồng có nhiều vấn đề không hợp nhau về mặt tình cảm, ông C không cùng gánh vác gia đình, con cái, phụ vợ, thường xuyên cãi vã xúc phạm nhau, tôi là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con, ông C không phụ giúp gia đình, cuộc sống cứ tiếp diễn cho đến nay, tôi không còn sức chịu đựng được nữa và quyết định đi đến ly hôn với ông Tạ Đức C. Từ tháng 6/2024, vợ chồng ly thân ra ở riêng, mỗi người ở một nơi và hiện tại vợ chồng không còn sống chung cùng nhau nữa. Tôi xác định tôi đã hết tình cảm với ông C và không thể hàn gắn vợ chồng nữa, hôn nhân giữa tôi và ông C đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Vì vậy tôi làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa giải quyết cho tôi (N) được ly hôn với ông Tạ Đức C.

- Về con chung: Tôi (Tô Thị Tuyết N) và ông Tạ Đức C có 02 con chung tên Tạ Thị Tường V, sinh ngày 13/01/2009 và Tạ Đức L, sinh ngày 22/01/2014. Khi ly hôn, tôi yêu cầu Toà án giao 02 con chung V và L cho tôi chăm sóc, nuôi dưỡng, yêu cầu ông C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung V và L số tiền là 6.000.000 đồng/tháng/02 con (Sáu triệu đồng/tháng/02 con).

Tại bản khai ngày 08/8/2024 và tại phiên họp, tôi (N) không yêu cầu ông Tạ Đức C phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung Tạ Thị Tường V và Tạ Đức L.

Hiện tôi đang làm việc tại Công ty TNHH may Tuấn Phát, địa chỉ: ấp LK1, TP, BH, ĐN, thu nhập khoảng 15.000.000 đồng/tháng (Mười lăm triệu đồng/tháng) đảm bảo kinh tế nuôi con, có nhà ở đảm bảo chỗ ở cho con.

Cháu Tạ Thị Tường V hiện đang học Lớp 9 Trường THCS PT – phường PT, thành phố BH, tỉnh ĐN, hiện cháu đang sống với mẹ N.

Cháu Tạ Đức Lg hiện đang học Lớp 5 Trường Tiểu học TP – phường TP, thành phố BH, tỉnh ĐN, hiện cháu đang sống với mẹ N.

- Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Bị đơn ông Tạ Đức C Tòa án đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập và văn bản tố tụng đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do nên không có lời khai tại hồ sơ và tại phiên tòa.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa sơ thẩm:

- Về thủ tục tố tụng:

+ Về quan hệ pháp luật: Tòa án xác định quan hệ pháp luật "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" là đúng.

+ Về tư cách đương sự: Tòa án xác định tư cách đương sự trong vụ án là đúng.

+ Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án Hôn nhân và gia đình đúng thẩm quyền.

+ Về thời hạn giải quyết vụ án: Đảm bảo đúng thời hạn theo quy định của pháp luật.

- Về việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc tuân thủ pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn bà Tô Thị Tuyết N thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của pháp luật; bị đơn ông Tạ Đức C không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về đường lối giải quyết vụ án:

Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tô Thị Tuyết N về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX xét xử cho bà Tô Thị Tuyết N được ly hôn với ông Tạ Đức C.

+ Về con chung: Bà Tô Thị Tuyết N và ông Tạ Đức C có 02 con chung tên Tạ Thị Tường V, sinh ngày 13/01/2009 và Tạ Đức L, sinh ngày 22/01/2024. Khi ly hôn, đề nghị Toà án giao 02 con chung Tạ Thị Tường V và Tạ Đức L cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời ông C không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn bà Tô Thị Tuyết N khai vợ chồng tự thỏa thuận và không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Tạ Đức C vắng mặt không có lời khai tại hồ sơ và tại phiên tòa ý kiến về nội dung này nên tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có đơn yêu cầu.

- Về án phí: Nguyên đơn bà Tô Thị Tuyết N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn bà bà Tô Thị Tuyết N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với bị đơn ông Tạ Đức C, sinh năm 1987; Địa chỉ: Tổ 15, khu phố TM, phường PT, thành phố BH, tỉnh ĐN; Chỗ ở hiện nay: Tổ 9, khu phố HP, phường PT, thành phố BH, tỉnh ĐN. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Nguyên đơn bà Tô Thị Tuyết N có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên toà đề ngày 31/12/2024. Bị đơn ông Tạ Đức C Tòa án đã tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do. Căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân:

Bà Tô Thị Tuyết N và ông Tạ Đức C tự nguyện tiến tới hôn nhân năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã PT (nay là phường PT), huyện LTh (nay là thành phố

BH), tỉnh ĐN và được UBND xã PT cấp giấy chứng nhận kết hôn số 231, quyển số 01/08 ngày 04/9/2008. Căn cứ vào các Điều 9, 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, hôn nhân giữa bà N và ông C được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn bà Tô Thị Tuyết N có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, lời khai có tại hồ sơ bà N kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với bị đơn ông Tạ Đức C do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không còn đạt được như trình bày trên.

Theo biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 24/12/2024 tại UBND phường PT, thành phố BH có tại hồ sơ (Bút lục số 35) ghi nhận nội dung: "Giữa bà bà Tô Thị Tuyết N, sinh năm 1988 và ông Tạ Đức C, sinh năm 1987, tại địa chỉ: Tổ 15, khu phố TM, phường PT, thành phố BH, tỉnh ĐN có xảy ra mâu thuẫn hay không địa phương không rõ do không nhận được trình báo hay liên hệ để giải quyết". Theo Biên bản xác minh tại Công an phường PT, thành phố BH ngày 11/12/2024 (Bút lục số 34) có tại hồ sơ ghi nhận nội dung: "Ông Tạ Đức Ca, sinh năm 1987 có đăng ký thường trú tại: Tổ 15, khu phố TM, phường PT, thành phố BH, tỉnh ĐN. Tuy nhiên, ông C đang thực tế sinh sống tại: Tổ 9, khu phố HP, phường PT, thành phố BH, tỉnh ĐN. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn ông Tạ Đức C đến trụ sở làm việc, tổ chức phiên họp hòa giải để bà N và ông C đoàn tụ gia đình nhưng ông C đều vắng mặt không đến Tòa án tham gia tố tụng nên Tòa án lập biên bản không tiến hành làm việc, hòa giải đoàn tụ được. Việc ông C không đến Tòa án cung cấp chứng cứ chứng minh là tự tước bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định của pháp luật. Qua xem xét đơn khởi kiện, trình bày của nguyên đơn và chứng cứ, tài liệu thu thập được có tại hồ sơ, HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông C là có thật, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không còn đạt được theo như bà N trình bày trên là có cơ sở nên HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét xử cho bà Tô Thị Tuyết N được ly hôn với ông Tạ Đức C.

- Về con chung: Bà Tô Thị Tuyết N và ông Tạ Đức C có 02 con chung tên Tạ Thị Tường V, sinh ngày 13/01/2009 và Tạ Đức L, sinh ngày 22/01/2014. Khi ly hôn, bà N đề nghị Toà án giao 02 con chung Tạ Thị Tường V và Tạ Đức L cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời ông C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà N hiện làm công nhân tại Công ty TNHH may Tuấn Phát, địa chỉ: ấp LK1, TP, BH, ĐN, thu nhập khoảng 15.000.000 đồng/tháng (Mười lăm triệu đồng/tháng) đảm bảo kinh tế nuôi con, có nhà ở đảm bảo chỗ ở cho con.

Cháu Tạ Thị Tường V hiện đang học Lớp 9 Trường THCS PT – phường PT, thành phố BH, tỉnh ĐN; Cháu Tạ Đức L hiện đang học Lớp 5 Trường Tiểu học TP – phường TP, thành phố BH, tỉnh ĐN. Đồng thời, theo Bản tự khai và Biên bản lấy lời khai cháu Tạ Thị Tường V và Cháu Tạ Đức L cùng ngày 08/8/2024 có tại hồ sơ (Bút lục số 20-23) nguyện vọng của cháu V và cháu L sau khi ba mẹ ly hôn được sống chung với mẹ N, ý chí của các cháu V, L là tự nguyện nên ghi nhận. Vì vậy, HĐXX xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao cháu V và cháu L cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời ông C không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Nguyên đơn bà Tô Thị Tuyết N khai vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Tạ Đức C vắng mặt không có lời khai tại hồ sơ và tại phiên tòa ý kiến về nội dung này nên tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có đơn yêu cầu.

- Về nợ chung: Nguyên đơn bà Tô Thị Tuyết N khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Tạ Đức C vắng mặt không có lời khai tại hồ sơ và tại phiên tòa ý kiến về nội dung này nên tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có đơn yêu cầu.

[3]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[4]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án: Bà Tô Thị Tuyết N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84, 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tô Thị Tuyết N về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với bị đơn ông Tạ Đức C.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Tô Thị Tuyết N được ly hôn với ông Tạ Đức C.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Tạ Thị Tường V, sinh ngày 13/01/2009 và Tạ Đức L, sinh ngày 22/01/2014 cho bà Tô Thị Tuyết N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời ông C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông C không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết vì quyền và lợi ích hợp pháp của con, các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Nguyên đơn bà Tô Thị Tuyết N khai vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, không có ý kiến của bị đơn ông Tạ Đức C về nội dung này nên tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có đơn yêu cầu.

- Về nợ chung: Nguyên đơn bà Tô Thị Tuyết N khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, không có ý kiến của bị đơn ông Tạ Đức C về nội dung này nên tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có đơn yêu cầu.

2. Về án phí: Nguyên đơn bà Tô Thị Tuyết N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí bà N đã nộp theo biên lai thu số 0004743 ngày 15/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Bà N đã nộp đủ án phí.

3. Về kháng cáo: Bà Tô Thị Tuyết N và ông Tạ Đức C vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- UBND P. PT, TP. BH, tỉnh ĐN (Giấy CNKH số 231, quyển số 01/08 ngày 04/9/2008);
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

Nguyễn Phạm Tuân